

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 23/4/2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – TP CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ;
2. Ông Võ Hoàng Vũ;

Thư ký phiên toà: Bà Võ An Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 719/2019/TLST–HNST ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐST-HN ngày 20/02/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1987 (Có mặt).

ĐKTT: 50/14 đường Đ, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

*** Bị đơn:** Ông **La Anh C**, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

ĐKTT: 42/5/5 đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn – Bà T trình bày:

Bà và ông C tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ vào ngày 22/08/2005. Quá trình hôn nhân có thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên thời gian sau này, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ông C ghen tuông vô cớ, nghi ngờ bà có mối quan hệ với người khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đồng thời ông C còn nhiều lần đánh đập, dùng bạo lực với bà. Bà đã nhiều lần giải thích, tìm cách khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng nhưng đều không có kết quả, trái lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm đối với ông C không

còn, không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nên bà có đơn xin được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 01 con chung tên La Văn Tr (nam), sinh ngày 22/11/2006, cháu Tr bị bệnh thiếu năng từ nhỏ do biến chứng khi đi tiêm phòng, cháu hiện đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn – Ông La Anh C trình bày: Ông thống nhất với ý kiến của bà T về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống. Tuy nhiên, việc ông ghen tuông và có đôi lần đánh bà T chỉ là sự nóng giận nhất thời. Ông đã nhận thấy sai lầm của mình và vẫn còn rất thương vợ thương con, nên mong muốn có cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm cùng nuôi dưỡng con bị khuyết tật. Do vậy, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Cháu La Văn Tr, sinh năm 2006, từ trước đến nay do vợ chồng ông bà cùng nuôi dưỡng, nhưng từ ngày bà T bỏ về nhà mẹ ruột đã dẫn theo cháu Tr đến nay. Nếu phải ly hôn, ông cũng thống nhất giao con cho bà T nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Xác định không có.

Tại phiên toà :

Ông C vắng mặt.

Bà T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông C, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung – cháu La Văn Tr, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Bà T và ông C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ. Ông C có địa chỉ cư trú tại quận N nên thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp này thuộc Tòa án nhân dân quận N theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phía ông C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, có đến Tòa trình bày tự khai, có tham gia buổi hòa giải, tuy nhiên sau đó lại không đến dự phiên tòa theo triệu tập. Do vậy, căn cứ vào các thủ tục tố tụng đã được thực hiện hợp lệ, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình hôn nhân qua trình bày của các bên cho thấy vợ chồng ông bà đã thiếu sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, luôn có sự nghi ngờ dẫn đến

bất hòa trong tình cảm. Tòa án đã hết sức động viên, cho thời gian để các bên tìm biện pháp hàn gắn tình cảm, nhưng đến nay vẫn không có kết quả. Phiên tòa hôm nay, ông C vắng mặt, chứng tỏ ông không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này, phía bà T thì vẫn cương quyết xin ly hôn, điều này cho thấy hôn nhân của ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông C, để cả hai có cuộc sống riêng là phù hợp.

[3] Về con chung: Cháu La Văn Tr, sinh năm 2006 hiện do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông bà xác định cháu Tr bị thiếu năng trí tuệ từ nhỏ, mọi sinh hoạt phải có người giúp đỡ. Ông bà thống nhất giao cháu Tr cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, đây là sự tự thỏa thuận của các bên nên có căn cứ để ghi nhận.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà T không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà xác định không có nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Nguyễn Thị Thanh T** đối với ông **La Anh C**.

2/ *Về con chung*: Giao cháu La Văn Tr, sinh năm 2006 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông C theo luật định, không ai có quyền ngăn cản.

3/ *Tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét.

4/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà T phải chịu 300.000 đồng chuyển tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 002163 ngày 24/12/2019 thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND quận N;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA;
- UBND phường A;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

ĐẶNG THỊ HUỆ